

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 08/05/2018)
Ông Đặng Tiếp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018, miễn nhiệm 08/05/2018)
Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
Bà Vũ Thị Phú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
Bà Đào Kim Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Tiếp	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Trịnh Trung Nghĩa	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Trịnh Trung Nghĩa	Quyền Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2018)
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành (Bổ nhiệm ngày 08/05/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/04/2018)
Ông Lê Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2018)
Bà Trịnh Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2018)
Ông Trịnh Quốc Hữu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2018)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, tình hình hoạt động riêng giữa niên độ của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Số: 287 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng, là các thông tin được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 số 26/2018/CPA HANOI - BCKT phát hành ngày 06 tháng 03 năm 2018 và Báo cáo soát xét cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 số 218/2017/CPA HANOI - BCKT phát hành ngày 31 tháng 07 năm 2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến

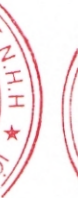
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

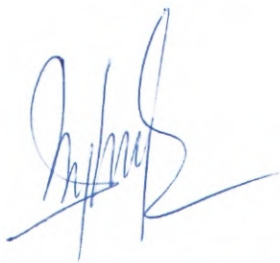
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.570.972.165	78.872.488.584
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	57.789.523.822	67.095.186.124
1. Tiền	111		2.692.482.726	2.095.186.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.097.041.096	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.573.124.875	10.961.464.730
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	876.266.463	617.408.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.000.000	8.692.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	11.676.858.412	10.335.363.820
III. Hàng tồn kho	140		-	796.257.484
1. Hàng tồn kho	141		-	2.296.257.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.500.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.323.468	19.580.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	123.526.703	19.580.246
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		153.015	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	84.643.750	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.002.487.748	193.177.628.677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.278.768.572	30.654.013.572
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	29.250.000.000	29.722.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	28.768.572	932.013.572
II. Tài sản cố định	220		787.711.308	1.207.469.082
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	787.711.308	1.207.469.082
- Nguyên giá	222		8.079.844.773	8.079.844.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.292.133.465)	(6.872.375.691)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	159.770.956.414	161.213.821.305
1. Đầu tư vào công ty con	251		163.036.120.074	163.036.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.265.163.660)	(1.822.298.769)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		165.051.454	102.324.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	165.051.454	102.324.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		260.573.459.913	272.050.117.261

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.805.753.826	19.168.903.389
I. Nợ ngắn hạn	310		9.802.753.826	12.165.903.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.010.748.523	1.727.342.311
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.456.000	27.456.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	72.872.134	397.727.803
4. Phải trả người lao động	314		135.084.800	122.075.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		213.650.250	164.388.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	6.383.604.147	8.630.287.398
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		959.337.972	1.096.626.127
II. Nợ dài hạn	330		7.003.000.000	7.003.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	3.000.000	3.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	7.000.000.000	7.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.767.706.087	252.881.213.872
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	243.767.706.087	252.881.213.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.682.334.790)	(15.682.334.790)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		794.026.037	722.553.956
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		354.014.390	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.419.640.950	70.958.635.206
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.199.180.636	48.161.289.018
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.220.460.314	22.797.346.188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		260.573.459.913	272.050.117.261



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



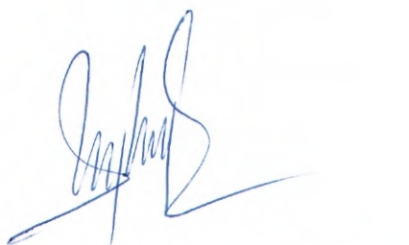
Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

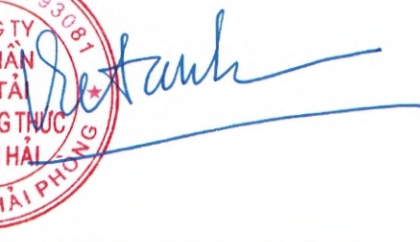
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	7.749.569.772	8.197.476.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7.749.569.772	8.197.476.125
4. Giá vốn hàng bán	11	17	6.925.206.517	7.250.159.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		824.363.255	947.316.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	11.041.552.517	12.632.860.498
7. Chi phí tài chính	22		1.583.656.615	148.697.006
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		140.777.777	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.061.798.843	1.604.318.839
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)	30		8.220.460.314	11.827.161.263
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	20.340.825
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	(20.340.825)
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.220.460.314	11.806.820.438
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	239.980.816
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.220.460.314	11.566.839.622



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng

Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8.050.810.813	9.155.240.288
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(7.012.311.609)	(8.147.858.995)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(982.593.135)	(827.847.391)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(117.444.444)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(439.088.227)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.909.371.606	10.949.367.206
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.374.285.105)	(10.047.185.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.965.540.101)	1.081.715.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	300.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	472.000.000	2.568.282.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.705.682.448	10.891.113.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.177.682.448	13.759.395.092
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.519.148.527)	(21.294.587.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.519.148.527)	(21.294.587.627)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.307.006.180)	(6.453.477.176)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	67.095.186.124	53.797.571.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.343.878	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	57.789.523.822	47.344.093.922

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11 người).

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, chế phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container
- Cho thuê xe có động cơ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh: hạch toán độc lập.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cân trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	361.992.440	180.844.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.330.490.286	1.914.342.033
Các khoản tương đương tiền (i)	55.097.041.096	65.000.000.000
Cộng	<u>57.789.523.822</u>	<u>67.095.186.124</u>

Ghi chú:

- i. Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	<u>876.266.463</u>	<u>617.408.160</u>
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	295.182.838	220.961.691
CN Công ty TNHH KMTC Việt Nam tại Hải Phòng	199.288.701	52.165.818
Công ty CP Kinh doanh CBLS xuất khẩu Yên Bái	95.272.080	70.555.200
Các đối tượng khác	286.522.844	273.725.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	11.676.858.412	-	10.335.363.820	-
- Tạm ứng	587.785.000	-	132.804.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	176.079.425	-	455.011.112	-
- phải thu lãi vay ngắn hạn	1.789.779.657	-	2.955.486.409	-
+ Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	21.369.863	-	27.236.889	-
+ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	757.097.000	-	593.824.000	-
+ Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	25.627.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Container Minh Thành	985.685.794	-	2.334.425.520	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	9.122.714.330	-	6.791.062.299	-
+ Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.309.092.822	-	1.402.670.960	-
+ Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	558.681.591	-	249.777.681	-
+ Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	7.254.939.917	-	5.138.613.658	-
- Các khoản phải thu khác	500.000	-	1.000.000	-
b) Dài hạn	28.768.572	-	932.013.572	-
- Tạm ứng	18.768.572	-	32.013.572	-
- Ký cược, ký quỹ;	10.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Container Minh Thành	-	-	900.000.000	-
Cộng	11.705.626.984	-	11.267.377.392	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	123.526.703	19.580.246		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.082.253	12.496.754		
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	121.444.450	7.083.492		
Dài hạn	165.051.454	102.324.718		
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	17.918.138	1.581.750		
Thiết bị văn phòng và sửa xe	147.133.316	100.742.968		

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	29.250.000.000	-	29.722.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải (i)	6.500.000.000	-	6.972.000.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	22.750.000.000	-	22.750.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 4.500.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 2.472.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2019. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay theo:
- Hợp đồng cho vay số 01/HDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 22.250.000.000 VND và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2019. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.
 - Hợp đồng vay vốn số 18/HDVV/2017 ngày 29/12/2017 số tiền 500.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>8.004.769.317</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.079.844.773</u>
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>8.004.769.317</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.079.844.773</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>6.797.300.235</u>	<u>43.727.274</u>	<u>6.872.375.691</u>
Khấu hao trong kỳ	-	419.757.774	-	419.757.774
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>7.217.058.009</u>	<u>43.727.274</u>	<u>7.292.133.465</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu kỳ	-	<u>1.207.469.082</u>	-	<u>1.207.469.082</u>
Số cuối kỳ	-	<u>787.711.308</u>	-	<u>787.711.308</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 75.075.456 VND (Tại ngày 31/12/2017 là 75.075.456 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty con	163.036.120.074	(3.265.163.660)	-	163.036.120.074	(1.822.298.769)	-
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	60.990.000.000	(1.160.292.504)	(i)	60.990.000.000	(493.034.382)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	-	(i)	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải (ii)	32.867.444.563	(649.072.524)	(i)	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	14.503.099.339	-	(i)	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	6.500.000.000	-	(i)	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (ii)	2.520.000.000	(1.455.798.632)	(i)	2.520.000.000	(1.329.264.387)	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/06/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%	Kinh doanh kho bãi và thương mại
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,000%	100,000%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,000%	100,000%	Thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty con là Công ty TNHH Container Minh Thành (“Minh Thành”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 vẫn duy trì ổn định, nhưng hoạt động kinh doanh vẫn lỗ. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty có cho Minh Thành vay vốn khoảng 22,75 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 450 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải (“Tasaco”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 1 tỷ VND. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty có vay vốn từ Tasaco khoảng 7 tỷ VND, chi phí lãi tiền vay phát sinh khoảng 140 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải (“Trading”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 vẫn duy trì ổn định, nhưng hoạt động kinh doanh lỗ. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty có thực hiện thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ nâng hạ và vệ sinh container của Trading với tổng giá trị khoảng 2,7 tỷ VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải (“Đường bộ Duyên hải”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 1,2 tỷ VND. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty có cho Đường bộ Duyên hải vay vốn khoảng 6,5 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 130 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ (“Duyên hải Phú Thọ”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 6,9 tỷ VND. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty phát sinh doanh thu cước vận tải biển đối với Duyên hải Phú Thọ với tổng phát sinh khoảng 1,1 tỷ VND.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (“Duyên hải Hà Nội”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 phát sinh ít, lỗ khoảng 120 triệu VND. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty không có phát sinh giao dịch với Duyên hải Hà Nội.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.010.748.523	2.010.748.523	1.727.342.311	1.727.342.311
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	177.573.450	177.573.450	163.980.450	163.980.450
Các đối tượng khác	1.833.175.073	1.833.175.073	1.563.361.861	1.563.361.861

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	32.072.551	244.313.048	232.540.243	43.845.356	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.444.477	-	439.088.227	-	84.643.750
Thuế thu nhập cá nhân	11.210.775	644.968.002	627.151.999	29.026.778	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	397.727.803	892.281.050	1.301.780.469	72.872.134	84.643.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	6.383.604.147	8.630.287.398
- Bảo hiểm xã hội;	13.729.200	-
- Bảo hiểm y tế;	2.422.800	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	1.076.800	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	461.969.500	633.460.700
- Các khoản phải trả phải nộp khác	5.904.405.847	7.996.826.698
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.800.000.000	3.920.275.059
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	860.000.000	1.050.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.847.444.444	2.124.111.111
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	371.601.348	805.279.528
- Các đối tượng khác	25.360.055	97.161.000
Dài hạn	3.000.000	3.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	6.386.604.147	8.633.287.398

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Phát sinh</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải (i)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000

Khoản tiền vay dài hạn từ Công ty TNHH Vận tải Duyên hải theo:

- (i) Hợp đồng vay số 04/HDVV/2017 ngày 04/08/2017, số tiền vay 3 tỷ VND, lãi suất 4%/năm, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 04/08/2017 đến ngày 04/08/2019);
- (ii) Hợp đồng vay số 05/HDVV/2017 ngày 09/08/2017, số tiền vay 4 tỷ VND, lãi suất 4%/năm, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 09/08/2017 đến ngày 09/08/2019).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(11.148.095.412)	647.497.875	-	69.947.850.008	256.329.611.971
Tăng vốn trong kỳ	-	-	(4.534.239.378)	-	-	-	(4.534.239.378)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	22.797.346.188	22.797.346.188
Tăng khác	-	-	-	75.056.081	-	-	75.056.081
Giảm khác	-	-	-	-	-	(21.786.560.990)	(21.786.560.990)
Số dư đầu kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	722.553.956	-	70.958.635.206	252.881.213.872
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.220.460.314	8.220.460.314
Phân phối lợi nhuận 2017 (i)	-	-	-	71.472.081	71.472.081	(17.529.682.243)	(17.386.738.081)
Trích quỹ từ lợi nhuận của các công ty con chuyển về	-	-	-	-	402.639.764	-	402.639.764
Giảm khác	-	-	-	-	(120.097.455)	(229.772.327)	(349.869.782)
Số dư cuối kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	794.026.037	354.014.390	61.419.640.950	243.767.706.087

Ghi chú:

(i) Trong kỳ Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2017	17.315.266.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	71.472.081
Quỹ đầu tư phát triển	71.472.081
Quỹ phát triển thị trường	71.472.081
	17.529.682.243

Số cổ tức Công ty đã trả trong kỳ là 17.519.148.527 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu phổ thông	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	173.152.660.000	173.152.660.000
Cổ phiếu quỹ	13.957.340.000	13.957.340.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bãi	3.900.275.553	5.781.630.662
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	2.390.325.273	1.151.225.800
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	641.433.636	571.196.363
Doanh thu thương mại	798.364.573	567.893.433
Doanh thu dịch vụ khác	19.170.737	125.529.867
Cộng	7.749.569.772	8.197.476.125

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	3.471.469.161	5.252.415.775
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	2.107.953.285	914.311.829
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	533.590.618	502.227.112
Giá vốn thương mại	2.296.257.484	473.770.852
Giá vốn dịch vụ khác	15.935.969	107.433.947
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	(1.500.000.000)	-
Cộng	6.925.206.517	7.250.159.515

Ghi chú:

- i. Trong kỳ, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do xuất bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	15.071.091
Chi phí nhân công	979.345.387	804.780.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.757.774	442.599.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.673.826.206	7.497.666.855
Chi phí khác bằng tiền	94.887.600	94.360.500
Hoàn nhập dự phòng	(1.500.000.000)	-
Cộng	6.667.816.967	8.854.478.354

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	8.870.958.283	10.606.916.360
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.169.236.409	2.025.944.138
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.357.825	-
Cộng	11.041.552.517	12.632.860.498

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	979.345.387	804.780.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.371.704	29.371.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.194.152	675.806.633
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	94.887.600	94.360.500
Cộng	2.061.798.843	1.604.318.839

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	8.220.460.314	11.806.820.438
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(8.870.958.283)</i>	<i>(10.606.916.360)</i>
<i>+Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>(8.870.958.283)</i>	<i>(10.606.916.360)</i>
Thu nhập chịu thuế	-	1.199.904.078
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	239.980.816
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	-	239.980.816

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê bãi. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
	VND	VND
Các khoản vay	7.000.000.000	7.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(57.789.523.822)	(67.095.186.124)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>243.767.706.087</u>	<u>252.881.213.872</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,00%</u>	<u>0,00%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>30/06/2018</u>	<u>1/1/2018</u>	<u>30/06/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.789.523.822	67.095.186.124	57.789.523.822	67.095.186.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.831.893.447	41.606.785.552	41.831.893.447	41.606.785.552
Các khoản ký quỹ	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	<u>99.621.417.269</u>	<u>108.701.971.676</u>	<u>99.621.417.269</u>	<u>108.701.971.676</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.397.352.670	10.360.629.709	8.397.352.670	10.360.629.709
Công nợ tài chính khác	213.650.250	164.388.000	213.650.250	164.388.000
Tổng cộng	<u>15.611.002.920</u>	<u>17.525.017.709</u>	<u>15.611.002.920</u>	<u>17.525.017.709</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.789.523.822	-	57.789.523.822
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.553.124.875	29.278.768.572	41.831.893.447
Các khoản ký quỹ	-	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	70.342.648.697	29.288.768.572	99.631.417.269
Tại ngày 30/06/2018			
Các khoản vay	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.394.352.670	3.000.000	8.397.352.670
Chi phí phải trả	213.650.250	-	213.650.250
Tổng cộng	8.608.002.920	7.003.000.000	15.611.002.920
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.734.645.777	22.285.768.572	84.020.414.349
Tại ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.095.186.124	-	67.095.186.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.952.771.980	30.654.013.572	41.606.785.552
Tổng cộng	78.047.958.104	30.654.013.572	108.701.971.676
Tại ngày 01/01/2018			
Các khoản vay	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.357.629.709	3.000.000	10.360.629.709
Chi phí phải trả	164.388.000	-	164.388.000
Tổng cộng	10.522.017.709	7.003.000.000	17.525.017.709
Chênh lệch thanh khoản thuần	67.525.940.395	23.651.013.572	91.176.953.967

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị